



PHỤ LỤC I

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	450.646.000.000	614.796.241.239	136,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	52.939.000.000	57.787.283.313	109,2
-	Thu NSDP hưởng 100%	9.655.000.000	5.909.382.484	61,2
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	43.284.000.000	51.877.900.829	119,9
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	397.707.000.000	550.684.621.733	138,5
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	396.097.000.000	393.782.000.000	99,4
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.610.000.000	156.902.621.733	9.745,5
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	6.324.336.193	
B	TỔNG CHI NSDP	450.646.000.000	614.652.391.904	136,4
I	Tổng chi cân đối NSDP	450.646.000.000	562.291.898.517	124,8
1	Chi đầu tư phát triển	44.173.000.000	128.792.033.135	291,6
2	Chi thường xuyên	406.473.000.000	433.499.865.382	106,6
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau		52.360.493.387	
C	KẾT DƯ NSDP		143.849.335	



PHỤ LỤC II

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	450.646.000.000	614.796.241.239	136,4
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	52.939.000.000	57.787.283.313	109,2
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	397.707.000.000	550.684.621.733	138,5
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	396.097.000.000	393.782.000.000	99,4
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.610.000.000	156.902.621.733	9.745,5
3	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang	0	6.324.336.193	
II	Chi ngân sách	450.646.000.000	614.652.391.904	136,4
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	450.646.000.000	562.291.898.517	124,8
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	52.360.493.387	
III	Kết dư ngân sách		143.849.335	

PHỤ LỤC III
QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	80.314.700.000	29.474.290.000	128.249.982.023	57.787.283.313	159,7	196,1
I	Thu nội địa	80.314.700.000	29.474.290.000	124.486.513.023	54.023.814.313	155,0	183,3
	Thu từ khu vực DNNN do địa phương	0	0	707.454.195	678.563.134		
1	- Thuế giá trị gia tăng	0	0	285.001.546	274.344.176		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	416.577.338	404.218.958		
	- Thuế tài nguyên	0	0	5.875.311	0		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	62.658.847	0		
	- Thuế giá trị gia tăng	0	0	32.132.742			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	30.526.105			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.923.700.000	2.469.590.000	21.454.616.576	4.997.438.836	362,2	202,4
	- Thuế giá trị gia tăng	5.590.000.000	2.236.000.000	15.962.552.000	3.458.917.569	285,6	154,7
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.439.799.355	-		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	38.400.000	26.880.000		
	- Thuế môn bài	333.700.000	233.590.000			0,0	0,0
	- Thuế tài nguyên			3.013.865.221	1.511.641.267		
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.560.000.000	1.024.000.000	6.314.517.049	5.420.307.635	246,7	529,3
5	Thuế bảo vệ môi trường	520.000.000	260.000.000	0	0	0,0	0,0
6	Lệ phí trước bạ	1.816.000.000	1.271.200.000	11.999.886.404	11.711.874.323	660,8	921,3
7	Thu phí, lệ phí	320.000.000	320.000.000	2.743.985.786	1.321.565.937	857,5	413,0
	- Phí và lệ phí trung ương	0		337.889.622	13.862.587		
	- Phí và lệ phí địa phương	320.000.000	320.000.000	2.406.096.164	1.307.703.350	751,9	408,7
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	65.000.000	45.500.000	98.331.222	76.353.325	151,3	167,8
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			2.464.428.937	1.126.969.219		
11	Thu tiền sử dụng khu vực biên	0		0			
12	Thu tiền sử dụng đất	68.500.000.000	19.800.000.000	77.259.173.613	27.866.394.357	112,8	140,7
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	48.276	48.276		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			30.212.140	15.106.070		
15	Thu khác ngân sách	265.000.000	265.000.000	1.153.679.478	611.672.701	435,4	230,8
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	345.000.000	345.000.000	197.520.500	197.520.500	57,3	57,3
17	Thu điều tiết ngân sách địa phương		3.674.000.000				
II	Các khoản thu huy động đóng góp			3.763.469.000	3.763.469.000		
III	Thu điều tiết từ tỉnh	47.000.000	47.000.000			0,0	0,0
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			0	0		



PHỤ LỤC IV

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	I	2	3=2/I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	450.646.000.000	614.796.241.239	136
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	450.646.000.000	562.291.898.517	125
I	Chi đầu tư phát triển	44.173.000.000	128.792.033.135	292
1	Chi đầu tư cho các dự án	44.173.000.000	128.792.033.135	292
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.080.004.000	50.658.539.000	
-	Chi khoa học và công nghệ		0	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi từ nguồn vốn cấp trên bổ sung	1.610.000.000	95.703.297.072	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	34.813.000.000	28.231.105.204	
	Nguồn vốn đóng góp	7.750.000.000	4.857.630.859	
II	Chi thường xuyên	406.473.000.000	433.499.865.382	107
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	155.534.000.000	130.174.656.750	83,70
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		52.360.493.387	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH		143.849.335	



PHỤ LỤC V

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	450.646.000.000	614.796.241.239	398,21
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	450.646.000.000	614.652.391.904	398,21
I	Chi đầu tư phát triển	44.173.000.000	128.792.033.135	291,56
1	Chi đầu tư cho các dự án	44.173.000.000	128.792.033.135	291,56
1.1	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
1.2	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.080.004.000	50.658.539.000	280,19
1.3	Chi Khoa học và công nghệ			
1.4	Chi Văn hóa thông tin		6.649.150.722	
1.5	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		49.350.000	
1.6	Chi các hoạt động kinh tế		68.436.492.413	
1.7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		2.998.501.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	
II	Chi thường xuyên	406.473.000.000	433.499.865.382	106,65
2.1	Chi quốc phòng	8.744.205.600	2.047.181.091	
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.997.776.360	2.894.779.465	96,56
2.3	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	155.539.652.086	130.174.656.750	83,69
2.4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	54.607.538.311	54.969.670.861	100,66
2.5	Chi sự nghiệp KH-CN	-	-	
2.6	Chi văn hóa thông tin - TT	5.294.226.882	5.137.807.434	97,05
2.7	Chi phát thanh, truyền hình	385.250.000	838.592.471	217,67
2.8	Chi SN Môi trường	10.407.654.175	9.987.336.000	
2.9	Chi sự nghiệp kinh tế	30.665.810.365	23.874.280.670	77,85
2.10	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	85.883.488.119	153.487.997.325	178,72
2.11	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	42.460.732.608	49.807.563.315	117,30
2.12	Chi khác ngân sách	9.486.665.495	280.000.000	2,95
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM		52.360.493.387	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH		143.849.335	



PHỤ LỤC VI

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT(%)
A	B	1	2	3
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		450.646.000.000	614.796.241.239	136,43
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	450.646.000.000	614.652.391.904	136,39
I	Chi đầu tư phát triển	44.173.000.000	128.792.033.135	291,56
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục đào tạo	18.080.004.000	50.658.539.000	280,19
2	Chi khoa học công nghệ	0	0	
II	Chi thường xuyên	406.473.000.000	433.499.865.382	106,65
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục đào tạo	155.539.652.086	130.174.656.750	83,69
2	Chi khoa học công nghệ	0	0	
B	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU	0	52.360.493.387	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0	143.849.335	



PHỤ LỤC VII

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

DVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (kế hoạch vốn cấp trong năm)	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	Số sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng	139.248.279.096	128.792.033.135	50.658.539.000					6.649.150.722	49.350.000			68.436.492.413	2.998.501.000			92,5%
1	Ban QLDA ĐTXD&PTQD, Văn phòng HĐND&UBND	139.248.279.096	128.792.033.135	50.658.539.000					6.649.150.722	49.350.000			68.436.492.413	2.998.501.000			92,5%
1.1	Trường mầm non 4 phòng 2 tầng xã Hòa Trạch.(7629418)	370.000.000	370.000.000	370.000.000													100%
1.2	Nhà hiệu bộ trường THCS Hòa Trạch(7672770)	319.000.000	319.000.000	319.000.000													100%
1.3	Mở rộng nương tiêu từ Công Ruộng Nổ Thôn 7 về Cầu Nhà Mán Thôn 3 xã Trung Trạch(7722503)	76.000.000	76.000.000										76.000.000				100%
1.4	Đường giao thông nông thôn tuyến từ thôn 6 đến thôn 2 xã Trung Trạch.(7734581)	100.000.000	100.000.000										100.000.000				100%
1.5	Nhà chức năng 2 tầng 6 phòng Trường THCS xã Trung	861.000.000	861.000.000	861.000.000													100%
1.6	Nâng cấp kênh tưới nước từ thôn 1 di thôn 3 xã Trung Trạch(7763599)	100.000.000	100.000.000										100.000.000				100%
1.7	Đường GTNT và Kè nương đoạn qua nhà Ông Trắc thôn 4(7767667)	314.000.000	314.000.000										314.000.000				100%
1.8	Đường nâng cấp mở rộng từ Quốc lộ 1A đến nhà văn hóa thôn 2 xã Trung Trạch(7771211)	100.000.000	100.000.000										100.000.000				100%
1.9	Hệ thống đường GTNT tại thôn 6 xã Trung Trạch. Hạng mục: Gồm 03 tuyến đường GTNT và cống thoát nước(7775985)	69.899.000	19.899.000										19.899.000				28,47%
1.10	Đường giao thông từ thôn 5 di thôn 7, xã Trung Trạch(7797960)	100.000.000	50.000.000										50.000.000				50%
1.11	Sửa chữa hội trường, nhà làm việc UBND thị trấn Hoàn Lão(7798435)	18.700.000	18.700.000											18.700.000			100%
1.12	Nhà lớp học 2 tầng 3 phòng học kết hợp bếp Trường mầm non Đại Phương (Cụm Đại Nam)(7811947)	37.950.000	37.950.000	37.950.000													100%
1.13	7822133(7822133)	772.998.000	382.198.000										382.198.000				49,44%
1.14	Đường từ QL.1 đi biển Trung Trạch, thôn 6, 7, 8(7836366)	300.000.000	300.000.000										300.000.000				100%
1.15	Hệ thống kênh mương Bàu Lau - Nội Tiều, xã Tây Trạch(7863895)	740.698.000	739.575.000										739.575.000				99,85%

STT	Tên đơn vị	Dự toán (kế hoạch vốn cấp trong năm)	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.16	Nâng cấp sân vận động Tiểu khu 5(7883158)	142.257.500	142.257.500						142.257.500								100%
1.17	Đường giao thông nội thị khu vực thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn	300.000.000	300.000.000										300.000.000				100%
1.18	Đường giao thông từ ngã ba đường I-Fax (thôn Cà) đi hướng đường Hồ Chí Minh(7887753)	86.635.000	86.635.000										86.635.000				100%
1.19	Nâng cấp các tuyến đường ngập lụt tiểu khu 3,4 thị trấn Hoàn	200.000.000	18.544.000										18.544.000				9,27%
1.20	Nâng cấp tuyến kênh mương từ Đồng Hai đến Bàu Ất xã Tây Trach(7890195)	458.312.865	297.571.865										297.571.865				64,93%
1.21	Đường từ đường tỉnh lộ 561 đi đường Cao Bá Quát(7894788)	102.811.000	102.811.000										102.811.000				100%
1.22	Đường GTNT từ thôn Đại Nam đi thôn Phương Hạ, xã Đại Trach(7905185)	2.419.362.000	2.419.362.000										2.419.362.000				100%
1.23	Tạo quỹ đất bắc Cồn Sầu TK3(7905468)	2.609.000.000	2.609.000.000										2.609.000.000				100%
1.24	Cải tạo, sửa chữa nhà cấp 4 và sân trường TH Hòa Trach(7919576)	18.333.000	18.333.000	18.333.000													100%
1.25	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường thôn 3 thôn 4 thị trấn Hoàn	125.893.000	125.893.000										125.893.000				100%
1.26	Đường giao thông vùng đồi tuyến Cồn Hầm thôn Đại nam, xã Đại Trach(7923856)	52.000.000	52.000.000										52.000.000				100%
1.27	Nhà bếp ăn bán trú Trường tiểu học số 2 Hoàn Lão(7928111)	50.096.000	48.547.000	48.547.000													96,91%
1.28	Đường GTNT thôn Lăng theo tiêu chí XD NTM, gồm 03 tuyến(7934810)	161.904.000	161.904.000										161.904.000				100%
1.29	Nâng cấp mở rộng đường, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông - Thị trấn Hoàn Lão(7937107)	1.500.000.000	1.500.000.000										1.500.000.000				100%
1.30	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng chức năng Trường TH số 2 Hoàn Lão(7942124)	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000													100%
1.31	Hệ thống thoát nước thôn Đại Nam(7946118)	281.097.698	279.115.698										279.115.698				99,29%
1.32	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ trường Tiểu học di quán ông Trí ếu (giai đoạn 1)(7946892)	566.755.913	566.755.913										566.755.913				100%
1.33	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ Ngã ba thôn Hồ đi UBND xã (giai đoạn 1)(7946893)	65.748.275	65.748.275										65.748.275				100%
1.34	Sửa chữa Mặt đường liên xã từ Nhà văn hóa thôn Sen đi tỉnh lộ 556(7946894)	134.655.000	134.655.000										134.655.000				100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán (kế hoạch vốn cấp trong năm)	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	Số sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.114	Sân khuôn viên, Nhà vệ sinh học sinh trường TH Lâm Trạch(Khu vực Tam Trang)(8144812)	1.000.000.000	997.374.000	997.374.000													99,74%
1.115	Đường giao thông nội thị tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Nông Trường Việt Trung(8144813)	2.500.000.000	2.355.906.000										2.355.906.000				94,24%
1.116	Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Quách Xuân Kỳ(8144814)	1.100.000.000	1.092.214.000	1.092.214.000													99,29%
1.117	Nhà vệ sinh học sinh Trường TH Trung Trạch(8144815)	700.000.000	697.928.000	697.928.000													99,7%
1.118	Nhà vệ sinh học sinh Trường TH Số 2 Phong Nha(Khu vực Trung tâm)(8144816)	700.000.000	698.016.000	698.016.000													99,72%
1.119	Nhà vệ sinh giáo viên trường TH số 1 Xuân Trạch(8144821)	400.000.000	367.470.000	367.470.000													91,87%
1.120	Nhà vệ sinh học sinh và giáo viên Trường THCS Đức Trạch(8144822)	1.200.000.000	1.138.730.000	1.138.730.000													94,89%
1.121	Nhà vệ sinh học sinh, hoàn thiện sân thể dục Trường TH Phú Trạch(8144823)	1.000.000.000	996.148.000	996.148.000													99,61%
1.122	Nhà vệ sinh học sinh Trường tiểu học số 2 Cụ Năm(8144824)	700.000.000	694.582.000	694.582.000													99,23%
1.123	Nhà vệ sinh học sinh và giáo viên trường TH Lâm Trạch(8144828)	1.500.000.000	1.484.508.000	1.484.508.000													98,97%
1.124	Mở rộng tuyến đường liên xã Trung tâm xã Tây Trạch (đoạn qua Thôn Mít cũ)(8145160)	1.200.000.000	1.159.156.000										1.159.156.000				96,6%
1.125	Mua sắm, sửa chữa trường THCS, Tiểu học, Mầm non, trạm y tế xã(8146133)	120.000.000	69.500.000	69.500.000													57,92%
1.126	Phòng chức năng và Thiết bị Trường TH số 1 Đại Trạch.(8146596)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000													100%
1.127	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường MN Hưng Bình (Khu vực trung tâm)(8147822)	4.600.000.000	4.405.646.000	4.405.646.000													95,77%
1.128	Nhà bếp ăn Trường MN Lâm Trạch (Khu vực trung tâm)(8147824)	2.450.000.000	2.352.375.000	2.352.375.000													96,02%
1.129	Đường giao thông phát triển du lịch khu vực Xuân Tiến, thị trấn Phong Nha(8147826)	5.900.000.000	5.838.695.000										5.838.695.000				98,96%
1.130	Nhà bếp ăn và các phòng chức năng khu hiệu bộ Trường MN Tây Trạch(8148200)	6.000.000.000	5.852.849.000	5.852.849.000													97,55%
1.131	Công trình Đập Làng thôn Sen xã Hòa Trạch, huyện Bố Trạch(8150133)	6.000.000.000	5.925.477.000										5.925.477.000				98,76%
1.132	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Bà Triệu thị trấn Hoàn Lão(8150134)	1.062.000.000	1.057.995.000										1.057.995.000				99,62%

STT	Tên đơn vị	Dự toán (kế hoạch vốn cấp trong năm)	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	Số sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.133	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng(8150135)	2.000.000.000	1.435.376.000										1.435.376.000				71,77%
1.134	Nâng cấp mặt đường, hệ thống thoát nước đường Võ Thị Sáu và đường Trương Định, thị trấn Hoàn Lão(8150136)	2.000.000.000	1.821.165.000										1.821.165.000				91,06%
1.135	Đầu tư hạ tầng bản Rào Con (Điện lưới sinh hoạt 0.4KV và đường giao thông nội bản), thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình(8150137)	11.000.000.000	10.627.085.000										10.627.085.000				96,61%
1.136	Nâng cấp, mua sắm tài sản Trường trung học cơ sở xã Trung Trạch(8151664)	50.000.000	49.500.000	49.500.000													99%
1.137	Mua sắm cơ sở vật chất hội trường, UBND xã và các trường học trên địa bàn(8151665)	298.000.000	292.805.000											292.805.000			98,26%
1.138	Hoàn thiện hạ tầng đô thị thị trấn Hoàn Lão.(8152678)	800.000.000	799.500.000										799.500.000				99,94%
1.139	Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các trường(8158990)	500.000.000	493.389.000	493.389.000													98,68%
1.140	Hệ thống điện chiếu sáng từ Quốc lộ 1A đi biển Hoàn Lão(8162463)	2.000.000.000	1.548.144.000										1.548.144.000				77,41%



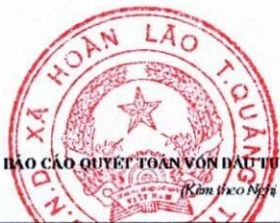
PHỤ LỤC IX

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2025				Quyết toán 2025						So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
	Tổng số	6.041.372.000	2.948.000.000	3.093.372.000	4.296.006.186	2.790.924.000	2.790.924.000	0	1.505.082.186	1.145.082.186	0,0	71,1	94,7	48,7
I	Ngân sách cấp xã	6.041.372.000	2.948.000.000	3.093.372.000	4.296.006.186	2.790.924.000	2.790.924.000	0	1.505.082.186	1.145.082.186	0,0	71,1	94,7	48,7
1	Tổng Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.	1.826.000.000		1.826.000.000	362.462.100				362.462.100	362.462.100		19,9		19,9
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 2021-2025	1.826.000.000	0	1.826.000.000	362.462.100	0	0	0	362.462.100	362.462.100	0,0	19,9		19,9
	Phòng Kinh tế xã Hoàn Lão	1.118.000.000	0	1.118.000.000	174.313.000				174.313.000	174.313.000		15,6		15,6
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Hoàn Lão	708.000.000	0	708.000.000	188.149.100				188.149.100	188.149.100		26,6		26,6
3	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới 2021-2025	3.931.404.000	2.948.000.000	983.404.000	3.649.576.086	2.790.924.000	2.790.924.000	0	858.652.086	498.652.086		92,8	94,7	87,3
	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Hoàn Lão	10.000.000		10.000.000	9.938.086				9.938.086	9.938.086		99,4		99,4
	UBND xã Hoàn Lão	405.956.000		405.956.000	405.956.000				405.956.000	405.956.000		100		100
	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Bồ Trạch	286.558.000		286.558.000	286.558.000				286.558.000	286.558.000		100		100
	Phòng Kinh tế xã Hoàn Lão	159.690.000		159.690.000	35.000.000				35.000.000	35.000.000		21,9		21,9
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hoàn Lão	23.700.000		23.700.000	23.700.000				23.700.000	23.700.000		100		100
	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bồ Trạch	30.000.000		30.000.000	30.000.000				30.000.000	30.000.000		100		100
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Hoàn Lão	17.500.000		17.500.000	17.500.000				17.500.000	17.500.000		100		100
	Ban chỉ huy quân sự huyện	50.000.000		50.000.000	50.000.000				50.000.000	50.000.000				100
	UBND xã Trung Trạch	737.000.000	737.000.000	0	583.535.000	583.535.000	583.535.000					79,2	79,2	
	UBND xã Đại Trạch	737.000.000	737.000.000	0	737.000.000	737.000.000	737.000.000					100	100	
	Ban quản lý CTMTQG xây dựng nông thôn mới xã Tây Trạch	737.000.000	737.000.000	0	733.389.000	733.389.000	733.389.000					99,5	99,5	
	UBND xã Hòa Trạch	737.000.000	737.000.000	0	737.000.000	737.000.000	737.000.000					100	100	
4	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH Dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021-2025	283.968.000	0	283.968.000	283.968.000	0	0	0	283.968.000	283.968.000		100		100
	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bồ Trạch	182.800.000	0	182.800.000	182.800.000				182.800.000	182.800.000		100		100
	Phòng Y Tế huyện Bồ Trạch	101.168.000	0	101.168.000	101.168.000				101.168.000	101.168.000		100		100



PHỤ LỤC X
BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NĂM NGÂN SÁCH 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế toán đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước			Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đưa chính giải trong năm 2025	Thanh toán KLIT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế toán vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế toán vốn đầu tư đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025	
					Tổng số	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Số vốn của K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán		Số vốn của kế chưa thanh toán lũy kế (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán						Số vốn của kế chưa thanh toán lũy kế (nếu có)
											Tổng số	Số vốn thanh toán KLIT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLIT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13=10-11	14	15=16+17	16	17	18=14-15	19=9+12+16	20=7-8+9	21=6+11+15	
	TỔNG SỐ:							1.373.983.000					137.534.601.096	128.119.906.135	127.418.050.135	701.856.000	-	128.792.033.135	701.856.000		
300	Tổng hợp ngân sách xã							1.373.983.000					137.534.601.096	128.119.906.135	127.418.050.135	701.856.000	-	128.792.033.135	701.856.000		
	NGUỒN VỐN TỈNH HUYỆN CẤP							30.683.000					97.371.744.072	93.614.546.072	92.912.090.072	701.856.000	-	92.943.373.072	701.856.000		
070	<i>Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>												40.550.000.000	39.376.460.000	39.376.460.000	-	-	39.376.460.000	-		
	7942124 - Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường TH số 2 Hoàn Lão	1515	7942124										1.000.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000			1.600.000.000			
	7955689 - Nhà lớp học + Phòng học chức năng trường THCS	1515	7955689										500.000.000	500.000.000	500.000.000			500.000.000			
	8003530 - Nhà chức năng Trường THCS số 1 Hoàn Lão	1515	8003530										1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000			1.300.000.000			
	8020430 - Nhà hiệu bộ và phòng học trường TH số 4 Hưng Trạch (Khu vực Chính)	1515	8020430										4.500.000.000	4.236.412.000	4.236.412.000			4.236.412.000			
	8097603 - Nhà vệ sinh Trường THCS Đại Trạch	1515	8097603										400.000.000	400.000.000	400.000.000			400.000.000			
	8129626 - Nhà lớp học và chức năng Trường TH Liên Trạch	1515	8129626										300.000.000	500.000.000	500.000.000			500.000.000			
	8138566 - Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Phú Trạch	1515	8138566										1.000.000.000	996.717.000	996.717.000			996.717.000			
	8138567 - Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường TH&THCS Bắc Đình (02 dãy nhà)	1515	8138567										1.400.000.000	1.249.923.000	1.249.923.000			1.249.923.000			
	8140851 - Nhà vệ sinh học sinh trường TH Tây Trạch	1515	8140851										700.000.000	697.560.000	697.560.000			697.560.000			
	8140853 - Nhà vệ sinh trường THCS Tây Trạch	1515	8140853										700.000.000	689.558.000	689.558.000			689.558.000			
	8140854 - Nhà vệ sinh học sinh khu vực Trung tâm và khu vực lẻ trường TH Văn Trạch	1515	8140854										1.400.000.000	1.274.186.000	1.274.186.000			1.274.186.000			
	8140856 - Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Hưng Trạch	1515	8140856										700.000.000	698.014.000	698.014.000			698.014.000			
	8140857 - Nhà vệ sinh học sinh Trường tiểu học Đồng Trạch	1515	8140857										700.000.000	697.632.000	697.632.000			697.632.000			

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước			Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán KLHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư trước năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trở lại vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn được kéo dài			Thanh toán		Số vốn còn lại chưa thanh toán lũy kế (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán			Số vốn còn lại chưa thanh toán lũy kế (nếu có)				
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12+13	12	13-10-11	14	15-16+17	16	17	18-14-15	19-9+12+16	20-7-8-9	21-6+11+15	
	8140859 - Cổng hàng rào Trường tiểu học số 2 Xuân Trạch	1515	8140859										500.000.000	498.447.000	498.447.000			498.447.000			
	8141881 - Nhà vệ sinh học sinh Trường tiểu học số 1 Đại Trạch	1515	8141881										700.000.000	697.697.000	697.697.000			697.697.000			
	8144812 - Sân khồn viên, Nhà vệ sinh học sinh trường TH Lâm Trạch(Khu vực Tam Tầng)	1515	8144812										1.000.000.000	997.374.000	997.374.000			997.374.000			
	8144815 - Nhà vệ sinh học sinh Trường TH Trung Trạch	1515	8144815										700.000.000	697.928.000	697.928.000			697.928.000			
	8144816 - Nhà vệ sinh học sinh Trường TH Số 2 Phong Nha(Khu vực Trung tâm)	1515	8144816										700.000.000	698.016.000	698.016.000			698.016.000			
	8144821 - Nhà vệ sinh giáo viên trường TH số 1 Xuân Trạch	1515	8144821										400.000.000	367.470.000	367.470.000			367.470.000			
	8144822 - Nhà vệ sinh học sinh và giáo viên Trường THCS Dâu Trạch	1515	8144822										1.200.000.000	1.138.730.000	1.138.730.000			1.138.730.000			
	8144823 - Nhà vệ sinh học sinh, hoàn thiện sân thể dục Trường TH Phú Trạch	1515	8144823										1.000.000.000	996.148.000	996.148.000			996.148.000			
	8144824 - Nhà vệ sinh học sinh Trường tiểu học số 2 Cự Nẫm	1515	8144824										700.000.000	694.582.000	694.582.000			694.582.000			
	8144828 - Nhà vệ sinh học sinh và giáo viên trường TH Lâm Trạch	1515	8144828										1.500.000.000	1.484.508.000	1.484.508.000			1.484.508.000			
	8147822 - Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường MN Hưng Bình(Khu vực trung tâm)	1515	8147822										4.600.000.000	4.405.646.000	4.405.646.000			4.405.646.000			
	8147824 - Nhà bếp ăn Trường MN Lâm Trạch (Khu vực trung tâm)	1515	8147824										2.450.000.000	2.352.375.000	2.352.375.000			2.352.375.000			
	Cổng hàng rào Trường THCS Liên Trạch		8141867										600.000.000	569.085.000	569.085.000			569.085.000			
	Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Quách Xuân Kỳ		8144814										1.100.000.000	1.092.214.000	1.092.214.000			1.092.214.000			
	Mua sắm cơ sở vật chất trung tâm bị dạy học cho trường		8158990										500.000.000	493.389.000	493.389.000			493.389.000			
	Phòng chức năng và Toilet bị Trường TH số 1 Đại Trạch		8146596										1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000			
	8148300 - Nhà bếp ăn và các phòng chức năng khu hiệu bộ Trường MN Tây Trạch	1515	8148200										6.000.000.000	5.852.849.000	5.852.849.000			5.852.849.000			
160	Vấn hoá đồng ấn							36.683.000					-	1.610.000.000	1.610.000.000	1.610.000.000	-	1.640.683.000		-	

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chỉ đầu tư	Lý lẽ vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán KLIIT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết niên độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIIT quyết toán trong năm 2025	Lý lẽ số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lý lẽ số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025	
					Tổng số	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán		Số vốn của lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán						Số vốn còn lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIIT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLIIT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12-13	12	13-10-11	14	15-16-17	16	17	18-14-15	19-9+12+16	20-7-8-9	21-6+11+15
	8092307 - Nhà văn hóa thôn Hồ xã Hòa Trạch	1515	8092307										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8095034 - Nhà văn hóa thôn Dài xã Hòa Trạch	1515	8095034										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8099272 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thuận 3 xã Tây Trạch	1515	8099272										70.000.000	70.000.000	70.000.000			70.000.000		
	8099273 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thuận 2 xã Tây Trạch	1515	8099273										70.000.000	70.000.000	70.000.000			70.000.000		
	8099736 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Cà xã Hòa Trạch	1515	8099736										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8099737 - Nhà văn hóa thôn Sơn xã Hòa Trạch	1515	8099737										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8109413 - Nhà văn hóa thôn 6	1515	8109413										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8111260 - Nhà văn hóa thôn 7	1515	8111260										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	8107777 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Đại Nam xã Đại Trạch	1515	8107777					30.683.000					200.000.000	200.000.000	200.000.000			230.683.000		
	8120597 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thuận 1, xã Tây Trạch	1515	8120597										70.000.000	70.000.000	70.000.000			70.000.000		
280	<i>Các hoạt động hình thức</i>												54.686.744.072	52.116.862.072	51.415.066.072	701.856.000	51.415.066.072	701.856.000		
	7822133 - Phát triển kết cấu hạ tầng khai thác quỹ đất tại khu vực Bạo Hà, thôn Phúc Tự Đông, xã Đại Trạch (Giai đoạn 2)	1515	7822133										382.198.000	382.198.000	382.198.000			382.198.000		
	7863895 - Hệ thống kênh mương Bầu Lau - Nội Tiêu, xã Tây Trạch	1515	7863895										700.000.000	700.000.000	700.000.000			700.000.000		
	7937107 - Mở rộng, NC hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông, TT Hoàn Lão	1515	7937107										800.000.000	800.000.000	800.000.000			800.000.000		
	8054817 - Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, TT Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1515	8054817										2.262.000.000	2.262.000.000	2.262.000.000			2.262.000.000		
	8064532 - Phát triển kết cấu hạ tầng khai thác quỹ đất tại khu vực Bạo Hà, thôn Phúc Tự Đông, xã Đại Trạch; Hình thức: Cấp điện	1515	8064532										1.168.546.072	1.168.546.072	1.168.546.072			1.168.546.072		

Số TT	Nội dung	Địa điểm nơi tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chỉ đầu tư	Lý lẽ vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán K/LHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư trực năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán K/LHT quyết toán trong năm 2025	Lý lẽ số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lý lẽ số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025		
					Tổng số	Trợ: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán		Số vốn còn lại chưa thanh toán ký báo (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán					Số vốn còn lại chưa thanh toán ký báo (nếu có)	
										Tổng số	Số vốn thanh toán K/LHT			Tổng số	Số vốn thanh toán K/LHT					Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11- 12+ 13	12	13-10-11	14	15- 16+ 17	16	17	18- 14- 15	19- 9+ 12+ 16	20- 7- 8- 9	21- 6+ 11 + 15
	Tạo quỹ đất Bắc Cơn Sãi												2.609.000.000	2.609.000.000	2.609.000.000			2.609.000.000		
	8092065 - Xây dựng Hệ thống hồ sơ Địa chính và Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1515	8092065										2.453.000.000	2.453.000.000	2.453.000.000			2.453.000.000		
	8094280 - Khắc phục khẩn cấp hồ Khe C Lè và tuyến đường phân hạ lưu tràn xả lũ tại xã Hương Trạch, huyện Bố Trạch	1515	8094280										3.400.000.000	2.271.763.000	2.271.763.000			2.271.763.000		
	8106048 - Đường giao thông phát triển du lịch khu vực Hà Lừi - Phong Nha	1515	8106048										6.200.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000			6.200.000.000		
	8133556 - Cải tạo, sửa chữa Hồ Cồn Nổi	1515	8133556										250.000.000	250.000.000		250.000.000		250.000.000		
	8144813 - Đường giao thông nội thị tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Nông Trường Việt Trung	1515	8144813										2.300.000.000	2.355.906.000	2.355.906.000			2.355.906.000		
	8147826 - Đường giao thông phát triển du lịch khu vực Xuân Tiên, thị trấn Phong Nha	1515	8147826										5.900.000.000	5.838.695.000	5.838.695.000			5.838.695.000		
	8150133 - Công trình Đập Lũng Thôn Sơn xã Hòa Trạch, huyện Bố Trạch	1515	8150133										6.000.000.000	5.925.477.000	5.925.477.000			5.925.477.000		
	8150134 - Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Bà Triệu thị trấn Hoàn Lão	1515	8150134										1.062.000.000	1.057.995.000	1.057.995.000			1.057.995.000		
	8150135 - Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng	1515	8150135										2.000.000.000	1.435.376.000	1.435.376.000			1.435.376.000		
	8150136 - Nâng cấp mặt đường, hệ thống thoát nước đường Võ Thị Sáu và đường Trương Định, thị trấn Hoàn Lão	1515	8150136										2.000.000.000	1.821.165.000	1.821.165.000			1.821.165.000		
	8150137 - Đầu tư tư tăng bản Rào Con (Điện không tải loại 04KV và đường giao thông nội bản), thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1515	8150137										11.000.000.000	10.627.085.000	10.627.085.000			10.627.085.000		
	Hoàn thiện hạ tầng đô thị thị trấn Hoàn Lão		8152678										800.000.000	799.500.000	799.500.000			799.500.000		
	Mở rộng tuyến đường liên xã Trung tâm xã Tây Trạch (đoạn qua Thôn Mít cũ)		8145160										1.200.000.000	1.159.156.000	1.159.156.000			1.159.156.000		
	8162463 - Hệ thống điện chiếu sáng từ Quốc lộ 1A đi biển Hoàn Lão	1515	8162463										2.000.000.000	2.000.000.000	1.548.144.000	451.856.000		1.548.144.000	451.856.000	
340	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>												525.000.000	511.224.000	511.224.000	-		511.224.000	-	
	8122886 - Cải tạo Trụ sở và Khuôn viên cơ quan Huyện ủy	1515	8122886										525.000.000	511.224.000	511.224.000			511.224.000		
	NGUỒN VỐN TƯƠI ĐẤT							927.000.000					31.713.793.365	27.273.105.204	27.273.105.204	-		28.200.105.204	-	

Số TT	Nội dung	Địa điểm số tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế toán từ K/C đến hết năm độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đủ chính giảm trong năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trái: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán		Số vốn của lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán			Số vốn của lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)			
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12+13	12	13-10-11	14	15-16+17	16	17	18-14-15	19-9+12+14	20-7-8-9	21-6+11+15
070	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề							727.000.000					11.326.518.000	9.818.079.000	9.818.079.000			16545.079.000		
	7629418 - Trường mầm non 4 phòng 2 tầng xã Hòa Trạch	1515	7629418										370.000.000	370.000.000	370.000.000			370.000.000		
	7672770 - Nhà hiệu bộ trường THCS Hòa Trạch	1515	7672770										319.000.000	319.000.000	319.000.000			319.000.000		
	7736000 - Nhà chầu nắng 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Trung Trạch	1515	7736000										861.000.000	861.000.000	861.000.000			861.000.000		
	7811947 - Nhà lớp học 2 tầng 3 phòng học kết hợp bếp Trường mầm non Đại Phương (Cụm Đại Nạn)	1515	7811947										379.500.000	379.500.000	379.500.000			379.500.000		
	7919576 - Cải tạo, SC nhà cấp 4 4 sân trường TH Hòa Trạch	1515	7919576										18.333.000	18.333.000	18.333.000			18.333.000		
	7928111 - Nhà bếp ăn trường TH số 2 Hoàn Lão	1515	7928111										50.096.000	48.547.000	48.547.000			48.547.000		
	7942124 - Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường TH số 2 Hoàn Lão	1515	7942124										1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000			1.600.000.000		
	7953097 - Nâng cấp, sửa chữa, mua sắm tài sản Trường Mầm non xã Trung Trạch	1515	7953097										142.734.000	142.723.000	142.723.000			142.723.000		
	7955689 - Nhà lớp học + Phòng học chức năng trường THCS	1515	7955689										863.616.000	381.865.000	381.865.000			381.865.000		
	7966829 - Cổng, hàng rào khuôn viên Trường TH số 2 Hoàn Lão	1515	7966829										157.098.000	156.125.000	156.125.000			156.125.000		
	8003530 - Nhà chầu nắng Trường THCS số 1 Hoàn Lão	1515	8003530										1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000			1.400.000.000		
	8013485 - Cổng, hàng rào, nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường mầm non Trung Trạch	1515	8013485										500.000.000	10.901.000	10.901.000			10.901.000		
	8020983 - Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục các Trường học trên địa bàn Thị trấn Hoàn Lão (Giai đoạn 1)	1515	8020983										350.000.000	331.273.000	331.273.000			331.273.000		
	8041058 - Nhà hiệu bộ + phòng chức năng + nhà xe trường TH số 2 Đại Trạch	1515	8041058										1.471.691.000	1.471.691.000	1.471.691.000			1.471.691.000		
	8045827 - Khuôn viên nhà đa năng kết hợp sân thể dục Trường THCS Đại Trạch	1515	8045827										215.000.000	198.561.000	198.561.000			198.561.000		
	8092550 - Nhà lớp học kết hợp phòng chức năng Trường mầm non Đại Phương xã Đại Trạch	1515	8092550					527.000.000					2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000			2.727.000.000		
	8097603 - Nhà vệ sinh Trường THCS Đại Trạch	1515	8097603					200.000.000					300.000.000	81.250.000	81.250.000			281.250.000		

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chỉ đầu tư	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm dự năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đầu kinh phí trong năm 2025	Thanh toán K/LIT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm dự năm trước sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng công vốn đã thanh toán K/LIT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025	
					Tổng số	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán		Số vốn còn lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán						Số vốn còn lại chưa thanh toán hủy bỏ (nếu có)
										Tổng số	Số vốn thanh toán K/LIT			Tổng số	Số vốn thanh toán K/LIT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12+13	12	13-10-11	14	15-16+17	16	17	18-14-15	19-9+12+16	20-7-8-9	21-6+11+15
	8138985 - Nâng cấp, mua sắm tài sản Trường Tiểu học xã Trung Trạch	1515	8138985										100.000.000	69.800.000	69.860.000			69.860.000		
	8146133 - Mua sắm, sửa chữa trường THCS, Tiểu học, Mầm non, trạm y tế xã	1515	8146133										120.000.000	69.500.000	69.500.000			69.500.000		
	8151664 - Nâng cấp, mua sắm tài sản Trường trung học cơ sở xã Trung Trạch	1515	8151664										50.000.000	49.500.000	49.500.000			49.500.000		
160	Vấn học thông tin												1.492.771.500	1.395.065.448	1.395.065.448	-		1.395.065.448		-
	7883158 - Nâng cấp sân vận động TK 5 thị trấn Hoàn Lão	1515	7883158										142.257.500	142.257.500	142.257.500			142.257.500		
	8069257 - Xây dựng mới nhà văn hóa tiểu khu 4 thị trấn Hoàn Lão	1515	8069257										150.000.000	150.000.000	150.000.000			150.000.000		
	8078425 - Cầu biển tôn nhà, đường phố, chỉnh trang đô thị (giai đoạn 1)	1515	8078425										200.000.000	102.351.948	102.351.948			102.351.948		
	8087978 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tiểu khu 2 thị trấn Hoàn Lão	1515	8087978										30.000.000	30.000.000	30.000.000			30.000.000		
	8092307 - Nhà văn hóa thôn Hồ xã Hòa Trạch	1515	8092307										298.833.000	298.833.000	298.833.000			298.833.000		
	8093260 - Xây dựng mới nhà văn hóa tiểu khu 10 thị trấn Hoàn Lão	1515	8093260										150.000.000	150.000.000	150.000.000			150.000.000		
	8095034 - Nhà văn hóa thôn Dài xã Hòa Trạch	1515	8095034										40.000.000	40.000.000	40.000.000			40.000.000		
	8099736 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Cà xã Hòa Trạch	1515	8099736										40.000.000	40.000.000	40.000.000			40.000.000		
	8099737 - Nhà văn hóa thôn Sơn xã Hòa Trạch	1515	8099737										40.000.000	40.000.000	40.000.000			40.000.000		
	8106906 - Sân khuôn viên nhà văn hóa thôn Lý Nhàn	1515	8106906										200.000.000	199.942.000	199.942.000			199.942.000		
	8109413 - Nhà văn hóa thôn 6	1515	8109413										101.681.000	101.681.000	101.681.000			101.681.000		
	8111260 - Nhà văn hóa Thôn 7	1515	8111260										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000		
190	Phát thanh, truyền hình, thông tin												50.000.000	49.350.000	49.350.000	-		49.350.000		-
	8139171 - Nâng cấp, sửa chữa trạm truyền thanh cơ dây xã Trung Trạch	1515	8139171										50.000.000	49.350.000	49.350.000			49.350.000		
280	Các hoạt động hình thức												16.727.803.865	14.004.016.756	14.004.016.756	-		14.204.016.756		-

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế toán đã thanh toán từ K/C đến hết nửa độ năm trước			Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đến chính sách năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết nửa độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế toán vốn tương ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế toán vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trên: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn được báo dài			Thanh toán		Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán			Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)				
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11- 12+ 13	12	13-10-11	14	15- 16+ 17	16	17	18- 14-15	19-9+ 12+ 16	20-7-8-9	21-6+ 11 +15	
	7722503 - Mở rộng nương tiêu từ Công Ruộng Nổ thôn 7 về cầu nhà Mán thôn 3 xã Trung Trạch	1515	7722503										76.000.000	76.000.000	76.000.000			76.000.000			
	7734581 - Đường GTNT xã Trung Trạch, huyện từ thôn 6 đến thôn 2	1515	7734581										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000			
	7763999 - Nâng cấp kênh tưới nước từ thôn 1 di thôn 3 xã Trung Trạch	1515	7763999										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000			
	7767667 - Đường GTNT và Kè nương đèo qua nhà Ông Tắc thôn 4	1515	7767667										314.000.000	314.000.000	314.000.000			314.000.000			
	7771211 - Đường nâng cấp mở rộng từ QL1A đến nhà văn hóa thôn 2 xã Trung Trạch	1515	7771211										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000			
	7797960 - Đường GT từ thôn 5 di thôn 7 xã Trung Trạch	1515	7797960										100.000.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000			
	7836366 - Đường từ QL 1A đi bãi biển trung trạch thôn 6,7,8 xã Trung Trạch	1515	7836366										300.000.000	300.000.000	300.000.000			300.000.000			
	7863895 - Hệ thống kênh mương Bàn Lau - Nội Tiêu, xã Tây Trạch	1515	7863895										40.698.000	39.575.000	39.575.000			39.575.000			
	7887345 - Đường giao thông nội thị KV thôn 2,4,5,6 TT Hoàn Lão	1515	7887345										300.000.000	300.000.000	300.000.000			300.000.000			
	7887753 - Đường GT từ ngã ba đường I-Fax(thôn cũ) đi hướng đường HCM (xã Hòa Trạch)	1515	7887753										86.635.000	86.635.000	86.635.000			86.635.000			
	7888965 - NC các huyện đường ngập lụt thôn khu 3,4 thị trấn Hoàn Lão	1515	7888965										200.000.000	18.544.000	18.544.000			18.544.000			
	7890195 - Nâng cấp huyện kênh mương từ Đông Hai đến Râu Et xã Tây Trạch	1515	7890195										294.241.000	133.500.000	133.500.000			133.500.000			
	7894788 - Đường từ đường tỉnh lộ 561 đi đường Cao Bá Quát, TT Hoàn Lão	1515	7894788										102.811.000	102.811.000	102.811.000			102.811.000			
	7905185 - Đường GTNT từ thôn Đại Nam đi thôn Phương Hộ xã Đại Trạch	1515	7905185										2.419.362.000	2.419.362.000	2.419.362.000			2.419.362.000			
	7921984 - NC, SC nguyên đường thôn 3, thôn 4 thị trấn Hoàn Lão	1515	7921984										125.893.000	125.893.000	125.893.000			125.893.000			
	7923856 - Đường giao thông vùng đồi huyện cồn Hầm thôn Đại Nam xã Đại Trạch	1515	7923856										52.000.000	52.000.000	52.000.000			52.000.000			
	7934810 - Đường GTNT thôn Lăng theo TC XD NTM gồm 3 huyện xã Tây Trạch	1515	7934810										161.904.000	161.904.000	161.904.000			161.904.000			
	7937107 - Mở rộng, NC hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông, TT Hoàn Lão	1515	7937107					200.000.000					300.000.000	500.000.000	500.000.000			700.000.000			

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết niên độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đầu chính giảm trong năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết niên độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được lên dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025						Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025	
					Tổng số	Trước: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán		Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán						Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (nếu có)
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT			Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12+13	12	13-16-11	14	15-16+17	16	17	18-14-15	19-9+12+16	20-7-8-9	21-6+11+15
	7946118 - Hệ thống thoát nước thôn Đại Nam	1515	7946118										281.091.698	279.115.698	279.115.698			279.115.698		
	7946892 - Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ trường Tiểu học đi quán ông Triều (giai đoạn 1)	1515	7946892										566.755.913	566.755.913	566.755.913			566.755.913		
	7946893 - Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ Ngã ba thôn Hồ đi UBND xã (giai đoạn 1)	1515	7946893										65.748.275	65.748.275	65.748.275			65.748.275		
	7946894 - Sửa chữa Mặt đường liên xã từ Nhà văn hóa thôn Sơn đi tỉnh lộ 556	1515	7946894										134.655.000	134.655.000	134.655.000			134.655.000		
	7946895 - Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ Ngã ba thôn Hồ đi Công ty Thương Phẩm (giai đoạn 1)	1515	7946895										422.872.979	422.872.979	422.872.979			422.872.979		
	7946935 - Mở rộng, nâng cấp hệ thống đường trung tâm (từ thôn 1 đến thôn 8) thị trấn Hoàn Lão (giai đoạn 1)	1515	7946935										300.000.000	300.000.000	300.000.000			300.000.000		
	7946937 - Nâng cấp đường nhà văn hóa thôn Lý Nhân đến nhà ông Sự	1515	7946937										456.201.000	419.513.000	419.513.000			419.513.000		
	7948957 - Nâng cấp hệ thống đường, hệ thống thoát nước đường Bà Triệu	1515	7948957										950.000.000	950.000.000	950.000.000			950.000.000		
	7952095 - Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước đường Trần Nhật Duật (TK5) thị trấn Hoàn Lão	1515	7952095										188.766.000	188.766.000	188.766.000			188.766.000		
	7955189 - Cải tạo đường nội thị thôn 4, thôn 5 thị trấn Hoàn Lão	1515	7955189										200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
	7955692 - Đường từ sân bóng đá ngã ba thôn Cà - xã Hòa Trạch	1515	7955692										73.403.000	73.403.000	73.403.000			73.403.000		
	7967670 - Điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị thị trấn Hoàn Lão	1515	7967670										124.300.000	124.300.000	124.300.000			124.300.000		
	7971337 - Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn thôn Cà, xã Hòa Trạch	1515	7971337										331.000.000	331.000.000	331.000.000			331.000.000		
	7983685 - Sửa chữa, nâng cấp đường Trần Bình Trọng, đường Tân Đà thị trấn Hoàn Lão	1515	7983685										238.071.000	238.071.000	238.071.000			238.071.000		
	8008456 - Đường giao thông từ ngã ba đường IFAD (thôn Cà) đi đường đường Hồ Chí Minh (GD 2)	1515	8008456										475.364.000	475.364.000	475.364.000			475.364.000		
	8009706 - Đầu tư toàn thiện hệ thống kỹ thuật tưới tiêu quy mô đất thôn 5 xã Trung Trạch	1515	8009706										1.080.000.000	844.308.000	844.308.000			844.308.000		
	8042705 - Đường giao thông xung quanh nghĩa trang thị trấn Hoàn Lão.	1515	8042705										149.904.000	147.702.000	147.702.000			147.702.000		
	8046596 - Tuyến kênh mương Ma Ka thôn Rẫy xã Tây Trạch	1515	8046596										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000		

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chỉ dẫn	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước			Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp để chờ giải ngân năm 2025	Thanh toán KLIIT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIIT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trước: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn được báo dài			Thanh toán		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán			Số vốn còn lại chưa thanh toán hay bỏ (nếu có)				
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIIT		Số vốn của lại chưa thanh toán hay bỏ (nếu có)	Tổng số	Số vốn thanh toán KLIIT		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11- 12+ 13	12	13-10-11	14	15- 16+ 17	16	17	18- 14-15	19-9+ 12+ 16	20-7-8-9	21-6+ 11 +15
	804600 - Nâng cấp tuyến đường Phong Nha - thị trấn Hoàn Lão	1515	8046000										362.000.000	361.840.000	361.840.000			361.840.000		
	8054817 - Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, TT Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1515	8054817										600.000.000	600.000.000	600.000.000			600.000.000		
	8064532 - Phát triển lối cầu bê tông khai thác quỹ đất tại khu vực Bàu Hà, thôn Phúc Từ Đông, xã Đại Trạch, Huyện rưư: Cấp điện	1515	8064532										1.942.200.000	656.703.928	656.703.928			656.703.928		
	8073178 - Mua sắm trang thiết bị Tm xã xã, sửa đường G TNT xã Tây Trạch năm 2024	1515	8073178										55.735.000	55.735.000	55.735.000			55.735.000		
	8079013 - Sửa chữa đường. Tầm Quốc Toàn thị trấn Hoàn Lão	1515	8079013										278.000.000	278.000.000	278.000.000			278.000.000		
	8092065 - Xây dựng Hệ thống hồ sơ Địa chính và Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1515	8092065										800.000.000	334.471.963	334.471.963			334.471.963		
	8100170 - Tuyến đường nối đồng từ Tổ dân phố 9 đến Công 5 xã Hải Phú	1515	8100170										157.361.000	157.361.000	157.361.000			157.361.000		
	8105265 - Tuyến đường Nguyễn Văn Cú đi đường Bà Triệu	1515	8105265										94.000.000	94.000.000	94.000.000			94.000.000		
	8112050 - San sửa mặt bằng các dự án tạo quỹ đất trên địa bàn thị trấn Hoàn Lão	1515	8112050										150.000.000	150.000.000	150.000.000			150.000.000		
	8121389 - Xây dựng đường dẫn ứng G TNT thị trấn Hoàn Lão năm 2024.	1515	8121389										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000		
	8122337 - Quy hoạch chung xây dựng xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5.000	1515	8122337										172.825.000	95.556.000	95.556.000			95.556.000		
	8122338 - Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5.000	1515	8122338										104.000.000	104.000.000	104.000.000			104.000.000		
	8123546 - Nâng cấp đường GTNT. Đoạn đi qua trạm Y tế, công trường THCS, Đoàn thôn Lý Nhàn, Phương Hà, Phúc Từ Tây	1515	8123546										300.000.000	74.550.000	74.550.000			74.550.000		
	8130717 - Xây dựng mới kênh mương tuyến Quốc lộ 1A đi Ao Cá và kênh cấp 2 cửa ống Ngõn thôn Phúc Từ Đông.	1515	8130717										100.000.000	100.000.000	100.000.000			100.000.000		
340	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể												2.116.700.000	2.006.594.000	2.006.594.000	-		2.006.594.000		-
	7798435 - Sửa chữa hội trường, nhà làm việc UBND thị trấn Hoàn Lão	1515	7798435										18.700.000	18.700.000	18.700.000			18.700.000		
	8050317 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Đại Nam 1 xã Đại Trạch.	1515	8050317										300.000.000	500.000.000	500.000.000			500.000.000		
	8075677 - Nâng cấp, đổ bê tông sân trung tâm xã Đại Trạch	1515	8075677										150.000.000	123.505.000	123.505.000			123.505.000		

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chức danh	Lấy kế toán đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp tiền chính giảm trong năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng công vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế toán vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế toán vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trước vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (nếu có)			
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (nếu có)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12-13	12	13-10-11	14	15-16-17	16	17	18-14-15	19-9-12-16	20-7-8-9	21-6-11-15
	8106907 - Nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Phúc Từ Tây	1515	8106907										100.000.000	99.914.000	99.914.000			99.914.000		
	8107777 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Đại Nam xã Đại Trạch	1515	8107777										900.000.000	900.000.000	900.000.000			900.000.000		
	8111951 - Nâng cấp thoát bị PCCC tại trụ sở UBND xã	1515	8111951										150.000.000	71.670.000	71.670.000			71.670.000		
	8151665 - Mua sắm cơ sở vật chất hội trường UBND xã và các trường học trên địa bàn	1515	8151665										298.000.000	292.805.000	292.805.000			292.805.000		
	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch							416.300.000					5.501.063.659	4.441.330.859	4.441.330.859	-		4.857.630.859		-
	49 - Khác							416.300.000					5.501.063.659	4.441.330.859	4.441.330.859	-		4.857.630.859		-
	7775985 - BT đường GTNT tại thôn 6 xã Trung Trạch, HM: Góm 03 tuyến đường GTNT và công thoát nước.	1515	7775985										19.899.000	19.899.000	19.899.000			19.899.000		
	7890195 - Nâng cấp tuyến kênh mương từ Đòng Hai đến Bàn É xã Tây Trạch	1515	7890195										164.071.865	164.071.865	164.071.865			164.071.865		
	7957036 - Kênh mương nội đồng (Đoạn từ Lòi Nành - Bàn É) xã Tây Trạch	1515	7957036										708.609.520	606.061.000	606.061.000			606.061.000		
	7964533 - 02 tuyến đường phía trước Trụ sở UBND xã Hòa Trạch	1515	7964533										32.816.000	32.816.000	32.816.000			32.816.000		
	8046596 - Tuyến kênh mương Ma Ka thôn Ráy xã Tây Trạch	1515	8046596										100.000.000	98.751.000	98.751.000			98.751.000		
	8092307 - Nhà văn hóa thôn Hồ xã Hoà Trạch	1515	8092307										383.581.000	280.931.000	280.931.000			280.931.000		
	8093260 - Xây dựng mới nhà văn hóa tiểu khu 10 thị trấn Hoàn Lão	1515	8093260										600.000.000	570.500.000	570.500.000			570.500.000		
	8095034 - Nhà văn hóa thôn Dài xã Hòa Trạch	1515	8095034										300.000.000	179.500.000	179.500.000			179.500.000		
	8099272 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thận 3 xã Tây Trạch	1515	8099272										180.000.000	158.434.000	158.434.000			158.434.000		
	8099273 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thận 2 xã Tây Trạch	1515	8099273										13.016.000	12.516.000	12.516.000			12.516.000		
	8099736 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Cà xã Hòa Trạch	1515	8099736										679.059.824	541.759.824	541.759.824			541.759.824		
	8099737 - Nhà văn hóa thôn Sơn xã Hòa Trạch	1515	8099737										345.062.450	251.062.450	251.062.450			251.062.450		

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lấy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước			Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng công vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lấy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lấy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025	
					Tổng số	Tỷ lệ: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Số vốn còn lại chưa thanh toán KLIHT			Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)	Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)
												Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT	Số vốn còn lại chưa thanh toán kỳ báo (số có)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12-13	12	13-16-11	14	15-16-17	16	17	18-14-15	19-9+12-16	20-7-8-9	21-6+11+15		
	8107777 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Đu Nam xã Đại Trạch	1515	8107777					216.300.000					33.700.000	33.700.000	33.700.000			250.000.000				
	8109413 - Nhà văn hóa thôn 6	1515	8109413					200.000.000					474.101.000	364.382.000	364.382.000			564.382.000				
	8111260 - Nhà văn hóa Thôn 7	1515	8111260										576.700.000	388.500.000	388.500.000			388.500.000				
	8120997 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Vô Thuận 1, xã Tây Trạch	1515	8120997										160.000.000	159.500.000	159.500.000			159.500.000				
	8121589 - Xây dựng đường đối ứng GTNT thị trấn Hoàn Lão năm 2024.	1515	8121589										50.000.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000				
	8122337 - Quy hoạch chung xây dựng xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5.000	1515	8122337										175.000.000	39.349.720	39.349.720			39.349.720				
	8123516 - Nâng cấp đường GTNT. Đoạn đi qua trạm Y tế, công trường THCS, Đuôn thôn Lý Nhân, Phường Hạ, Phường Tây	1515	8123516										125.447.000	125.447.000	125.447.000			125.447.000				
	8130717 - Xây dựng mới kênh mương huyện Quốc lộ 1A đi Ao Cú và kênh cấp 2 cũ ở Ngõ thôn Phước Tự Đông.	1515	8130717										380.000.000	364.150.000	364.150.000			364.150.000				
II	Ngân vốn ngân sách Trung ương												2.948.000.000	2.790.924.000	2.790.924.000	-		2.790.924.000		-		
	<i>101 - Nguồn vốn đầu tư ngân sách NN (10492)</i>												<i>2.948.000.000</i>	<i>2.790.924.000</i>	<i>2.790.924.000</i>	<i>-</i>		<i>2.790.924.000</i>				
	8038533 - Đầu tư hệ thống nước sạch xã Tung Trạch	1515	8038533										737.000.000	583.535.000	583.535.000			583.535.000				
	8041058 - Nhà hiện bộ + phòng chứa nắng + nhà xe trường TH số 2 Đại Trạch	1515	8041058										475.000.000	475.000.000	475.000.000			475.000.000				
	8041473 - Đường Dông Hải thôn Rầy	1515	8041473										737.000.000	733.389.000	733.389.000			733.389.000				
	8055492 - Nhà văn hóa thôn Bàng xã Hòa Trạch	1515	8055492										67.000.000	67.000.000	67.000.000			67.000.000				
	8092307 - Nhà văn hóa thôn Hồ xã Hòa Trạch	1515	8092307										167.000.000	167.000.000	167.000.000			167.000.000				
	8095034 - Nhà văn hóa thôn Đại xã Hòa Trạch	1515	8095034										169.000.000	169.000.000	169.000.000			169.000.000				
	8097603 - Nhà vệ sinh Trường THCS Đại Trạch	1515	8097603										262.000.000	262.000.000	262.000.000			262.000.000				
	8099736 - Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Cà xã Hòa Trạch	1515	8099736										167.000.000	167.000.000	167.000.000			167.000.000				

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm độ năm trước		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp đến chính giữa trong năm 2025	Thanh toán KLIHT trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết niên độ ngân sách năm trước năm 2025	Kế hoạch và thanh toán vốn đầu tư các năm trước được báo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025					Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm 2025
					Tổng số	Trả lại: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Kế hoạch vốn được báo dài	Thanh toán		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Thanh toán			Số vốn còn lại chưa thanh toán lũy kế (nếu có)				
										Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT		Số vốn còn lại chưa thanh toán lũy kế (nếu có)	Tổng số	Số vốn thanh toán KLIHT		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11= 12+ 13	12	13=10-11	14	15=16+ 17	16	17	18= 14-15	19=9+ 12+16	20=7-8-9	21= 6+ 11 +15
	8099737 - Nhà văn hóa thôn Sơn xã Hòa Trạch	1515	8099737										167.000.000	167.000.000	167.000.000			167.000.000		



PHỤ LỤC XI
TỔNG HỢP CÁC QUỸ TẠI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Hoàn Lão)

Đơn vị: đồng

STT	Tên Quỹ	Dư nguồn đến ngày 31/12/2024 (năm trước)	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Dư nguồn đến 31/12/ 2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa		319.504.000	-	60.963.000	258.541.000	319.504.000	-	60.963.000	258.541.000	258.541.000,00
2	Quỹ Vì người nghèo	0	342.335.000	-	61.000.000	281.335.000	342.335.000	-	61.000.000	281.335.000	281.335.000,00